

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 752 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH (75 TTHC)
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích

19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp

41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
54	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
56	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
57	Giải thể doanh nghiệp
58	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
59	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
60	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
61	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
62	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
63	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
64	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
65	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng chia
66	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng tách
67	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng hợp nhất
68	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng sáp nhập
69	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
70	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
71	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
72	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng

73	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
74	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
75	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã/ hợp tác xã tín dụng
II	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (32 TTHC)
01	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
02	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
03	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
04	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
05	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
06	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
07	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
08	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)
09	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
11	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
12	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
13	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ
14	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)
15	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)
16	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với

	dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh)
17	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)
18	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
19	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
20	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.
21	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Đối với dự án đầu tư thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
22	Nộp lại, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
23	Giãn tiến độ dự án
24	Chấm dứt dự án đầu tư theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu Tư
25	Chấm dứt hoạt động dự án theo quy định tại Điểm d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư
26	Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài
27	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
28	Tạm ngừng hoạt động của dự án
29	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
30	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
31	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
32	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
III	LĨNH VỰC ĐẤU THẦU, THẨM ĐỊNH (3 TTHC)
01	Thẩm định dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật) có sử dụng vốn ngân sách nhà nước
02	Phê duyệt dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật) xây dựng công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước
03	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình

PHẦN II:
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH (75 TTHC).

01. Thủ tục: Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định, tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh
----------------------------	---

	<p>không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân: <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực;</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp tư nhân (<i>Phụ lục I-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

	<p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;

Phụ lục I-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Kon Tum

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn đầu tư:

Vốn đầu tư (bằng số; VND):.....

Vốn đầu tư (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyên đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
6.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 6.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 6.2.

6.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (<i>nếu có</i>): Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):						
6.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
6.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
6.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁴ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
6.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
6.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
6.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
6.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

7. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh*):

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (*chỉ kê khai MST 10 số*):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh, không là thành viên công ty hợp danh;
- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký và ghi họ tên)⁶

⁶Chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;
- b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.
3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.
2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.
3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

02. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với chủ sở hữu là cá nhân: <i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i> + Đối với chủ sở hữu là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); - Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức và một trong các văn bản sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty. + Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình hội đồng thành viên. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua

	mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp..
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁶ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

6

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật⁷:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

⁷ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁸ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁹ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>

⁸Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁹Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Không phải nộp thuế GTGT	
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Sơ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;
- b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.
3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.
2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.
3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

3. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký DN (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); - Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <p>+ Thành viên là cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;</p> <p>+ Thành viên là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; Văn bản ủy quyền cho người được ủy quyền và một trong các loại giấy chứng thực cá nhân của người được ủy quyền;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp..
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

	<p>1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.</p> <p>2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. <p>3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Fax (nếu có): Website (nếu có):

Công nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁰ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

¹⁰

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....
 Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật¹¹:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ¹² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

¹¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

¹² Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ¹³ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong <input type="checkbox"/> phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

- a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
- b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

¹³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân
Hộ chiếu

Căn cước công dân
Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): / /

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;
- b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.
3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.
2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.
3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

4. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty cổ phần.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); - Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <p>+ Đối với thành viên là cá nhân: <i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;</i></p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; Văn bản ủy quyền cho người được ủy quyền và một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>)</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp..

Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (của cổ đông là tổ chức nước ngoài) (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú	
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³				
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông							
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;

e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

5. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty hợp danh.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của các thành viên hợp danh); - Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <p>+ Đối với thành viên là cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; Văn bản ủy quyền cho người được ủy quyền và một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>)</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-5, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

	<p>1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.</p> <p>2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. <p>3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

Phụ lục I-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
8.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
8.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
8.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/ tổ/ xóm/ ấp/ thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
8.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 8.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 8.2.

	<i>khai nội dung này</i>):/...../.....						
8.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
8.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁴ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
8.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
8.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
8.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
8.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

9. Thông tin về các doanh nghiệp bị hợp nhất (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị hợp nhất.

10. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh*):

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (*chỉ kê khai MST 10 số*):

Địa điểm kinh doanh:

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH

(*Ký và ghi họ tên từng thành viên*)⁶

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CỦA CÔNG TY

(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁶Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

⁷Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;
- b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.
3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.
2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.
3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

6. Thủ tục: Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
----------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* <i>Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đã đăng ký:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh); - Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>* <i>Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi doanh nghiệp đã đăng ký</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu); - Bản sao hợp lệ Điều lệ đã sửa đổi của công ty; <p>Một trong các loại văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên) (theo mẫu); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên) (theo mẫu); - Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (theo mẫu); - Danh sách thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh) (theo mẫu). - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; - Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>

Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi địa chỉ trụ sở chính). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); * Ngoài ra, tùy theo loại hình doanh nghiệp, khi đăng ký thay đổi, doanh nghiệp phải bổ sung một/một số mẫu đơn trong hồ sơ như sau: - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên)/Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN
Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm
THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế					
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:					
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:					
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):					
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....					
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>					
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)					
7	Tổng số lao động:					
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>					
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>					
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng					
.....					

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹						Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú		
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ²	
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng					Giá trị
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

7. Thủ tục: Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
-----------------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh); - Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (đổi tên doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 2. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng

	<p>đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>3. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN
Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm
THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:				
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)				
7	Tổng số lao động:				
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;

e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

8. Thủ tục: Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên hợp danh mới: <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>Có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 2. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng

	<p>đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>3. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/ thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/

THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:				
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)				
7	Tổng số lao động:				
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²
- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;
- b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.
3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.
2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.
3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

9. Thủ tục: Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người bổ sung, thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty; - Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp); - Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, khi thay đổi người đại diện theo pháp luật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thì: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Quyết định của chủ sở hữu công ty được thay bằng Bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; + Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Quyết định và Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên được thay bằng Bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; + Đối với công ty cổ phần: Quyết định và Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng quản trị được thay bằng Bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi người đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký

	giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (<i>Phụ lục II-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi người đại diện theo pháp luật

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Người đại diện theo pháp luật cũ¹:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

2. Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi²:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

^{1,2} Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật

Email (nếu có): Website (nếu có):

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp người đại diện pháp luật giữ một trong các chức danh theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp thì ghi: Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin về người quản lý doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/
CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/
CHỦ TỊCH CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
(Ký, ghi họ tên)³

³ Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty/Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng quản trị ký trực tiếp vào phần này.

10. Thủ tục: Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Trường hợp thay đổi tỷ lệ vốn góp không làm thay đổi vốn điều lệ:</p> <p>+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); <i>(Nội dung thông báo gồm: Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số quyết định thành lập, mã số doanh nghiệp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc của mỗi thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh)</i></p> <p>- Trường hợp thay đổi vốn điều lệ:</p> <p>+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);</p> <p>+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần);</p> <p>+ Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty);</p> <p>+ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế).</i></p> <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty</p> <p>- Trường hợp chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ:</p> <p>+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p>

	<p>+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần;</p> <p>+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần.</p> <p>Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>- Trường hợp giảm vốn điều lệ:</p> <p>+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>+ Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</p>

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:				
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)				
7	Tổng số lao động:				
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

*(Ký, ghi họ tên)*⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

11. Thủ tục: Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); <p>* Trường hợp tiếp nhận thành viên mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới; - Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty; - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); <p>Hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của thành viên là tổ chức và Văn bản ủy quyền cho người được ủy và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế</i>). <p>Quyết định, biên bản họp của Hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>* Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh đã hoàn tất

việc chuyển nhượng;

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*);

Hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của thành viên là tổ chức và Quyết định ủy quyền cho người được ủy và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*)

- Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (*Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế).*

*** Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế:**

- Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp quy định của người thừa kế (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*).

*** Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều 48 Luật Doanh nghiệp:**

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn;

- Quyết định, biên bản họp của Hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.

*** Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp:**

- Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;

- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân*

dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên mới là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên mới là cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);

- Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế).

*** Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong công ty, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.**

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo mẫu);

- Điều lệ công ty chuyển đổi;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu là cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) hoặc bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo mẫu) và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) của từng đại

	<p>diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (<i>Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên</i>);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức - Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng; - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi loại hình công ty. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thành viên công ty). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). + Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); + Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/

THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (kê khai theo mẫu Phụ lục I-10): Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,

CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: /...../ Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ :

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

9	Khấu trừ	
	Trực tiếp trên GTGT	
	Trực tiếp trên doanh số	
	Không phải nộp thuế GTGT	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. *(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).*

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: .. Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

- Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
- Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đông Việt Nam		

11.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>								
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)								
11.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):								
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không								
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>								
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng								
.....								
.....								
.....								

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh*):

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (*chỉ kê khai MST 10 số*):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

³ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁷ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Công đồng là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

12. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người nhận chuyển nhượng là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức; - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền; - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Hợp đồng chuyển nhượng vốn hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn; - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên)</i> này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức

Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI**
(Ký, ghi họ tên)¹

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Công đồng là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

13. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
-----------------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu mới trong trường hợp chủ sở hữu mới là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp chủ sở hữu mới là tổ chức; - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền; - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty; - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên)</i> này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức

Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI
(Ký, ghi họ tên)³**

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ
(Ký, ghi họ tên)⁴**

³ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

⁴ Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Công đồng là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

14. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu mới. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực; - Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội

	<p>dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/..../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI
(Ký, ghi họ tên)⁵**

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ
(Ký, ghi họ tên)⁶**

⁵ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

⁶ Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

15. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nêu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:
-----------------------------------	---

	<p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty chuyển đổi; - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của các thành viên đối với trường hợp thành viên là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên là tổ chức; - Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được thừa kế. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác

	<p>theo thông tin trong các văn bản điện tử.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁷ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

7

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VND):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁸:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁹ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

⁸ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁹ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ¹⁰ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

¹⁰ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): / /

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyên đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

16. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người nhận chuyển nhượng trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức; - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>), bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền; - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Hợp đồng tặng cho phần vốn góp; - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên)</i> này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/..../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI**
(Ký, ghi họ tên)¹

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Công đồng là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

17. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty chuyển đổi; - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của các thành viên đối với trường hợp thành viên là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên là tổ chức; - Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc hợp đồng tặng cho đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho cá nhân hoặc tổ chức khác; - Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp đối với trường hợp công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác

	<p>theo thông tin trong các văn bản điện tử.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</p>

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh³ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

3

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VND):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁴:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

⁴ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁵ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

⁶ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyên đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

18. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
----------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); - Đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân: Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng; - Đối với trường hợp thay đổi do thừa kế: Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân (<i>Phụ lục II-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);

	2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
Thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Tặng cho doanh nghiệp tư nhân

Chủ doanh nghiệp chết, mất tích

Bán doanh nghiệp tư nhân

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

1. Người tặng cho/Người chết, mất tích/Người bán

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại (trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích không cần kê khai nội dung này):

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

2. Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):
Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung
đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác,
trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO /
NGƯỜI ĐƯỢC THỪA KẾ/NGƯỜI MUA**
(Ký, ghi họ tên)¹

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN²
(Ký, ghi họ tên)

¹ Người được tặng cho/Người được thừa kế/Người mua ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần nội dung này trong trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích. Trong các trường hợp khác, chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

19. Thủ tục: Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
-----------------------------------	--

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế cho nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận đầu tư) mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>); * Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng với từng trường hợp đăng ký thay đổi như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên hợp danh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên)/Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay thế nội dung đăng ký kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đổi

	<p>với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).</p> <p>* Ngoài ra, tùy theo loại hình doanh nghiệp, khi đăng ký thay đổi, doanh nghiệp phải bổ sung một/một số mẫu đơn trong hồ sơ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên)/Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-18
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Công ty cổ phần
- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (*bằng số; VND*):

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (*đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật¹ (*đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần*)/**Chủ tịch công ty** (*đối với công ty hợp danh*):

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty¹ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
12.6	Tổng số lao động:

^{1,4,5}Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M	
	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ :	
	Khấu trừ	<input type="checkbox"/>
	Trực tiếp trên GTGT	<input type="checkbox"/>
	Trực tiếp trên doanh số	<input type="checkbox"/>
	Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/>
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁹

⁸Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ²			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²						Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú		
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ³	
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

20. Thủ tục: Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần/ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh; - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định (<i>theo mẫu</i>). <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được thay đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.

	<p>3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/

THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyên đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:				
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)				
7	Tổng số lao động:				
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

(Ký, ghi họ tên)⁶

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC II-18
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

- Công ty cổ phần

- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) **Đối với chủ sở hữu là cá nhân** (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có) Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

Hội đồng thành viên
Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/**Chủ tịch công ty** (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:	
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:	
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):	
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
12.6	Tổng số lao động:	
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(*Ký, ghi họ tên*)⁹

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

21. Thủ tục: *Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi vốn đầu tư). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</p>

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:				
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)				
7	Tổng số lao động:				
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

22. Thủ tục: *Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao Biên bản họp của đại hội đồng cổ đông - Danh sách cổ đông sáng lập <p>- Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thông tin). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần chưa niêm yết. - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);

	2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính:

² Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)					
7	Tổng số lao động:					
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>					
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT <table border="1" style="float: right; margin-left: 20px;"> <tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr> <tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr> <tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr> <tr><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr> </table>					
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:					
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
				
				

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁴

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ²			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

23. Thủ tục: Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>+ Trường hợp công ty cổ phần chưa niêm yết thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Luật Doanh nghiệp (<i>có thay đổi đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty</i>), hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài; - Danh sách các cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài khi đã thay đổi (<i>theo mẫu</i>); - Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; - Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền; <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi cổ đông). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần chưa niêm yết. - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết

Có danh sách kèm theo

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹	Ngày , tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phân vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phân vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phân vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC II-18
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

- Công ty cổ phần

- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		

Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

Hội đồng thành viên
Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/Chủ tịch công ty (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:
Chức danh:
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:	
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:	
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):	
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
12.6	Tổng số lao động:	
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

24. Thủ tục: *Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính
------------------------	--

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
7	Tổng số lao động:
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: Tên ngân hàng <input type="text"/> Số tài khoản ngân hàng <input type="text"/>

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

(Ký, ghi họ tên)⁶

TÊN DOANH NGHIỆP

PHỤ LỤC II-18
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

- Công ty cổ phần

- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có):.....Fax (nếu có):
Email (nếu có):Website (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):
Email (nếu có):Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/Chủ tịch công ty (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế						
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:						
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:						
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):						
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
12.6	Tổng số lao động:						
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không						
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁹

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

25. Thủ tục: Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo ủy quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký DN (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
-----------------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thông tin). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</p>

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/

THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: Tên ngân hàng <input type="text"/> Số tài khoản ngân hàng <input type="text"/>

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

26. Thủ tục: Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chuyên viên tiếp nhận cấp Giấy biên nhận hồ sơ và công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <p>Tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp để thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp liên quan đến ngành, nghề kinh doanh, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Phí, Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Phí Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. Mức thu: 100.000 đồng/lần - Miễn phí, lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-25, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-25
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):.....

Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:.....

Đăng ký lần đầu ngày...../...../.....

Đăng ký thay đổi lần thứ.....**ngày**...../...../.....

Đề nghị đăng Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Ngày bắt đầu đăng thông tin:/...../.....

Ngày kết thúc đăng thông tin:/...../.....

Văn bản gửi kèm (chỉ kê khai nếu doanh nghiệp có văn bản gửi kèm)

Đề nghị Quý Phòng xem xét, đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

27. Thủ tục: Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>- Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chuyên viên tiếp nhận cấp Giấy biên nhận hồ sơ và công bố mẫu dấu/hủy dấu của DN lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>- Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).</p> <p>- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Phòng Đăng ký kinh doanh công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>theo mẫu-Phụ lục II-8</i>) đối với trường hợp sử dụng con dấu; - Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>theo mẫu-Phụ lục II-9</i>) đối với trường hợp thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu; - Thông báo về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>theo mẫu-Phụ lục II-10</i>) đối với trường hợp hủy mẫu con dấu; <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Doanh nghiệp không cần gửi hồ sơ bằng bản giấy cho phòng Đăng ký kinh doanh.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>Phụ lục II-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); 2. Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của

	doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>Phụ lục II-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); 3. Thông báo về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>Phụ lục II-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-8
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Thông báo về mẫu con dấu như sau:

1. Mẫu con dấu:

Mẫu con dấu	Ghi chú
(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	

2. Số lượng con dấu:

3. Thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu: từ ngày tháng ... năm ...

Đề nghị Quý Phòng công bố mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-9
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu như sau:

1. Mẫu con dấu:

Mẫu con dấu cũ ¹	Mẫu con dấu mới	Ghi chú
(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	

2. Số lượng con dấu:

- Số lượng con dấu trước khi thay đổi (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi số lượng con dấu):

- Số lượng con dấu sau khi thay đổi:

3. Thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu mới (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi mẫu con dấu): từ ngày tháng ... năm ...

Đề nghị Quý Phòng công bố mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)²

¹ Trường hợp doanh nghiệp bị mất con dấu cũ hoặc đã nộp con dấu cũ cho cơ quan công an hoặc doanh nghiệp thay đổi số lượng con dấu nhưng không thay đổi mẫu con dấu thì doanh nghiệp không cần đóng dấu vào ô này.

² Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục II-10
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc hủy mẫu con dấu như sau:

1. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

2. Hình thức mẫu con dấu:

Mẫu con dấu	Ghi chú
(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)	

3. Thời điểm hết hiệu lực của mẫu con dấu: từ ngày tháng ... năm ...

Đề nghị Quý Phòng công bố việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

28. Thủ tục: Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
----------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; - Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); - Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng thuộc loại hình công ty trách nhiệm hoặc công ty cổ phần, khi đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước thì hồ sơ phải có Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);

Yêu cầu, điều kiện:	<p>1. Có hồ sơ hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật).</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:
 Địa chỉ chi nhánh:
 Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh
 Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ²

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
5	Tổng số lao động (dự kiến):	
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
7	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
(Ký, ghi họ tên)

²Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

29. Thủ tục: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
----------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo mẫu). - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	- Thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp được bổ sung trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (Phụ lục II-12, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc lập chi nhánh/

văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Điện thoại(nếu có): Fax(nếu có):

Email(nếu có): Website(nếu có):

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh):

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

30. Thủ tục: Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nêu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:
-----------------------------------	---

	<p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; - Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh văn phòng đại diện; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);

	- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:
 Địa chỉ chi nhánh:
 Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh
 Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ²

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
5	Tổng số lao động (dự kiến):	
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
7	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
(Ký, ghi họ tên)

²Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

PHỤ LỤC II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

- Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
2	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
4	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):
5	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
6	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>):
	Tên ngân hàng
	Số tài khoản ngân hàng

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

31. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của
-----------------------------------	---

	<p>doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư <i>(theo mẫu)</i> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư <i>(Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT)</i>
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

PHỤ LỤC II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

- Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động (dự kiến):
5	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
6	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):
	Tên ngân hàng
	Số tài khoản ngân hàng

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

32. Thủ tục: Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
-----------------------------------	---

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>). - Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng thuộc loại hình công ty trách nhiệm hoặc công ty cổ phần, khi lập địa điểm kinh doanh thì hồ sơ phải có Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký địa điểm kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:
 Địa chỉ chi nhánh:
 Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh
 Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ²

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	<i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>	
5	Tổng số lao động <i>(dự kiến)</i> :	
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
7	Phương pháp tính thuế GTGT <i>(chọn 1 trong 4 phương pháp)</i> ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
(Ký, ghi họ tên)

²Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

33. Thủ tục: Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nêu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:
-----------------------------------	---

	<p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); * Trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>). * Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng thuộc loại hình công ty trách nhiệm hoặc công ty cổ phần, khi lập địa điểm kinh doanh ở trong nước thì hồ sơ phải có Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký địa điểm kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);

	- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):
 Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ²

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	<i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>	
5	Tổng số lao động <i>(dự kiến)</i> :	
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
7	Phương pháp tính thuế GTGT <i>(chọn 1 trong 4 phương pháp)</i> ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
(Ký, ghi họ tên)

²Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>	Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/>	Căn cước công dân
<input type="checkbox"/>	Hộ chiếu	<input type="checkbox"/>	Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động (dự kiến):
5	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
6	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
.....
.....

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(*Ký, ghi họ tên*)

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

34. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
-----------------------------------	--

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung đăng ký hoạt động). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-13, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	- Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</p>

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-13
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/**

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH

(Ký, ghi họ tên)¹

1

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

35. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh (trường hợp chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư); <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung đăng ký hoạt động). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-13, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-13
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/**

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH

(Ký, ghi họ tên)¹

1

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

.....

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>	Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/>	Căn cước công dân
<input type="checkbox"/>	Hộ chiếu	<input type="checkbox"/>	Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động (dự kiến):
5	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BT ¹ -O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
6	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
.....
.....

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

36. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
-----------------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>) <p>+ Trường hợp địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>) - Đối với trường hợp chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngoài các giấy tờ nêu trên, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung đăng ký hoạt động). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-13, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính |
|--|---|

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-13
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**

(Ký, ghi họ tên)¹

1

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>	Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/>	Căn cước công dân
<input type="checkbox"/>	Hộ chiếu	<input type="checkbox"/>	Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động (dự kiến):
5	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BT ^{PI} -O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
6	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
.....
.....

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

37. Thủ tục: Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
----------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Thông tin của doanh nghiệp được cập nhật bổ sung trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (cập nhật thông tin). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-5, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</p>

Phụ lục II-5

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc như sau:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

38. Thủ tục: *Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Hợp đồng cho thuê có công chứng <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được cập nhật
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân (<i>Phụ lục II-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

2. Người thuê doanh nghiệp tư nhân

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI THUÊ
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký, ghi họ tên)¹

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Người thuê doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

² Chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

39. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
-----------------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết chia công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của (các) công ty mới. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức); + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của người đại diện theo ủy quyền nếu công ty tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Trường hợp công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên, hồ sơ gồm Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của từng đại diện theo ủy quyền. + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng

	<p>dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức. + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh³ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

3

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật⁴:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

⁴ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>

⁵Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁶Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Không phải nộp thuế GTGT	
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

40. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
-----------------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết chia công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc chia công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên cho (các) công ty mới. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); + Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>); + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực; . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư

Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Fax (nếu có): Website (nếu có):

Công nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁷ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

7

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VND):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):.....
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....
 Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁸:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁹ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

⁸ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁹Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ¹⁰ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phân loại pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

¹⁰Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân
Hộ chiếu

Căn cước công dân
Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

41. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết chia công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc chia công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần đối với (các) công ty mới. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); + Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>); + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty cổ phần). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):
 Địa điểm kinh doanh:
 Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

42. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
-----------------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết tách công ty theo quy định tại Điều 193 Luật Doanh nghiệp (<i>Nghị quyết tách công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị tách; tên công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; cách thức tách công ty; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ công ty bị tách sang công ty được tách; thời hạn thực hiện tách công ty. Nghị quyết tách công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết</i>); - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của (các) công ty được tách. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức); + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của người đại diện theo ủy quyền nếu công ty tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Trường hợp công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên, hồ sơ gồm Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của từng đại diện theo ủy quyền. + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>);

	<p>. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);</p> <p>. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.</p> <p>+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</p>

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Không phải nộp thuế GTGT	
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

43. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
-----------------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết tách công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tách công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên của công ty được tách. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); + Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>); + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực; . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Lệ phí:	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Fax (nếu có): Website (nếu có):

Công nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....
 Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁷ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân
Hộ chiếu

Căn cước công dân
Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

44. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
----------------------------	---

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết tách công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần của công ty được tách, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); + Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>); + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty cổ phần). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>) (nếu có); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú	
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³				
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông							
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

45. Thủ tục: Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
-----------------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng hợp nhất công ty; - Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức); + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của người đại diện theo ủy quyền nếu công ty tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Trường hợp công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên, hồ sơ gồm Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của từng đại diện theo ủy quyền. + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty

là Nhà nước);

- . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- + Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.
- + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh
- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Hồ sơ gồm:
 - + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*theo mẫu*);
 - + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);
 - + Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (*theo mẫu*)
 - + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:
 - . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;
 - . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;
- . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.
- + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh
- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần cho đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty cổ phần. Hồ sơ gồm:
 - + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*theo mẫu*);
 - + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);
 - + Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (*theo mẫu*). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (*theo mẫu*)
 - + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:
 - . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ*

	<p><i>căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);</i></p> <p>. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;</p> <p>. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.</p> <p>+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp danh đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty hợp danh. Hồ sơ gồm:</p> <p>+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>+ Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của các thành viên hợp danh);</p> <p>+ Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:</p> <p>. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân: <i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;</i></p> <p>. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;</p> <p>. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

	<p>công ty cổ phần, công ty hợp danh). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí đối với: Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). * Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); * Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty cổ phần: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>) (nếu có); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). * Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty hợp danh: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-5, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Không phải nộp thuế GTGT	
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Fax (nếu có): Website (nếu có):

Công ty kinh doanh nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....
 Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁷ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân
Hộ chiếu

Căn cước công dân
Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):
 Địa điểm kinh doanh:
 Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):
 Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú	
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³				
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông							
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
8.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
8.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
8.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/ tổ/ xóm/ ấp/ thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
8.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 8.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 8.2.

	<i>khai nội dung này</i>):/...../.....	
8.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
8.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁴ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)	
8.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):	
8.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
8.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
8.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

9. Thông tin về các doanh nghiệp bị hợp nhất (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị hợp nhất.

10. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh*):

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (*chỉ kê khai MST 10 số*):

Địa điểm kinh doanh:

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH

(*Ký và ghi họ tên từng thành viên*)⁶

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CỦA CÔNG TY

(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁶Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

⁷Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

46. Thủ tục: Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận
----------------------------	--

	<p>được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập công ty - Điều lệ công ty - Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty nhận sáp nhập; - Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết của công ty bị sáp nhập. - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị sáp nhập; - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) - Danh sách thành viên (công ty TNHH hai thành viên, công ty hợp danh) (<i>theo mẫu</i>) <p>(Sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập)</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên công ty cổ phần, công ty hợp danh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số</i>

	<i>02/2019/TT-BKHĐT).</i>
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập - Điều lệ công ty phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức - Trường hợp sáp nhập mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của công ty thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành sáp nhập, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác. Cấm các trường hợp sáp nhập các công ty mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần trên 50% trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác. - Trường hợp công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty nhận sáp nhập thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập thông báo việc đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính công ty bị sáp nhập để cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị sáp nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (nếu có):

.....
Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (nếu có):.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9. (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VND):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (bằng số; bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*): Gửi kèm THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:				
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)				
7	Tổng số lao động:				
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

*(Ký, ghi họ tên)*⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

47. Thủ tục: Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyên đổi; - Quyết định của chủ sở hữu công ty hoặc Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc chuyển đổi công ty; - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>theo mẫu</i>), danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>); Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; + Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức. <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư. - Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty cổ phần). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (nếu có) (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính |
|--|---|

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

48. Thủ tục: Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyển đổi; - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (<i>Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (<i>Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên</i>); - Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức; - Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty TNHH một thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính |
|--|---|

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Vertical grid of 6 empty boxes for marking 'X'.

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công
nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế
của Việt Nam):

Table with 4 columns: STT, Tên ngành, Mã ngành, and Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai).

5. Chủ sở hữu:

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung
Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy
định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi,
bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty(*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Không phải nộp thuế GTGT	
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

49. Thủ tục: Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyển đổi; - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty; - Danh sách thành viên (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên là cá nhân; + Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. - Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty TNHH hai thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;

- | | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính |
|--|--|

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Fax (nếu có): Website (nếu có):

Công nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....
 Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁷ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân
Hộ chiếu

Căn cước công dân
Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): / /

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

50. Thủ tục: Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyển đổi; - Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế, thời hạn thanh toán; danh sách người lao động hiện có; danh sách các hợp đồng chưa thanh lý; - Danh sách thành viên công ty (<i>theo mẫu</i>) đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức; - Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; - Văn bản thỏa thuận với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó; - Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp tư nhân và các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty TNHH). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>) hoặc Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; - Chủ doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó; - Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Vertical grid of 6 empty boxes for marking 'X'.

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công
nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế
của Việt Nam):

Table with 4 columns: STT, Tên ngành, Mã ngành, and Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai).

5. Chủ sở hữu:

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung
Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy
định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi,
bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Không phải nộp thuế GTGT	
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Fax (nếu có): Website (nếu có):

Công nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn điều lệ (bằng số; VND):
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):.....
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):.....
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁷ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân
Hộ chiếu

Căn cước công dân
Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

51. Thủ tục: *Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>) <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-20, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-20
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*chỉ kê khai trong trường hợp đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)¹

¹

Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

52. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
-----------------------------------	--

	<p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (<i>theo mẫu</i>) - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (<i>Phụ lục II-17, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế nay có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-17

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề mà doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh như sau¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi họ tên*)²

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.
- Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

² Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

53. Thủ tục: *Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-5 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-5

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc như sau:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

54. Thủ tục: Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ; - Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phản đối của Phòng Đăng ký kinh doanh (nếu có) - Nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh, công ty có quyền bán cổ phần theo quy định về chào bán cổ phần riêng lẻ.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ (<i>Phụ lục II-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-7

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc chào bán cổ phần riêng lẻ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ như sau:

1. Tổng số cổ phần dự định chào bán: cổ phần

2. Các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại:

- Cổ phần: Số lượng: ...

- Cổ phần: Số lượng: ...

3. Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần:

- Thời điểm chào bán cổ phần: từ ngày tháng ... năm ...

- Hình thức chào bán cổ phần:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư năm 2014 trước khi đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua cổ phần.

Doanh nghiệp, cổ đông cam kết thực hiện đúng quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có cổ đông góp vốn thuộc vốn nhà nước.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

55. Thủ tục: *Thông báo tạm ngừng kinh doanh*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>) - Quyết định và bản sao hợp lệ Biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-21, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-21

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày....tháng...năm..... cho đến ngày....tháng...năm.....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ... cho đến ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*) ..

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo¹:

a) Đối với doanh nghiệp:

¹ Doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

Đăng ký tiếp tục kinh doanh từ ngày....tháng....năm.....

Lý do:

Sau khi doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang hoạt động (*đánh dấu vào ô này trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp*).

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tiếp tục hoạt động từ ngày....tháng....năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*) ..

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do:

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)²

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/dăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/dăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC II-18

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

- Công ty cổ phần

- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VND):.....

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương	Tỷ lệ

	<i>theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>	(%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên*)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (*chỉ kê khai đối với công ty cổ phần*):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (*nếu có*):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên*):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật*):

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

Email (nếu có):..... Website (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

Email (nếu có):..... Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/**Chủ tịch công ty** (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:	
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:	
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):	
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
12.6	Tổng số lao động:	
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)⁹

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

56. Thủ tục: *Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-21, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-21

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày....tháng...năm..... cho đến ngày....tháng...năm.....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ... cho đến ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*) ..

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo¹:

a) Đối với doanh nghiệp:

¹ Doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

Đăng ký tiếp tục kinh doanh từ ngày....tháng....năm.....

Lý do:

Sau khi doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang hoạt động (*đánh dấu vào ô này trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp*).

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tiếp tục hoạt động từ ngày....tháng....năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*) ..

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do:

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)³

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

57. Thủ tục: *Giải thể doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có); - Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc giải thể doanh nghiệp; - Giấy chứng nhận đã thu hồi con dấu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-24, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-24

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Trường hợp doanh nghiệp gửi Quyết định giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Quyết định giải thể số:ngày/...../.....

Lý do giải thể:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của doanh nghiệp (nếu có) trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 204 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁴

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

58. Thủ tục: Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) - Quyết định giải thể - Bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực; - Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có) - Phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan; - Giấy chứng nhận đã thu hồi con dấu (nếu có); - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-24, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để quyết định giải thể.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-24

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Trường hợp doanh nghiệp gửi Quyết định giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Quyết định giải thể số:ngày/...../.....

Lý do giải thể:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của doanh nghiệp (*nếu có*) trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 204 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

59. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông
-----------------------------------	--

	<p>báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh ở trong nước (<i>theo mẫu</i>); - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của doanh nghiệp về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của chủ sở hữu hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-22, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (<i>Phụ lục II-23, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-22
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do chấm dứt hoạt động: ..

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP/NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

60. Thủ tục: *Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh. + Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất. + Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ
----------------------------	---

	<p>sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) hoặc Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-14 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-16 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-14

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,
Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp,
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin đã đăng ký trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hiện nay là:

.....
- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hiện nay là:

.....
Do vậy, đề nghị Quý Phòng hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà doanh nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP/

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH

(Ký, ghi họ tên)¹

¹

- Trường hợp hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp hiệu đính thông tin của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục II-16

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hiện nay là:..

.....

.....

- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (Giấy chứng nhận) hiện nay là:

.....

.....

Do vậy, đề nghị Quý Phòng bổ sung, hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trên Giấy chứng nhận mà doanh nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (<i>bằng số;</i> <i>VNĐ và</i> <i>giá trị</i> <i>tương</i> <i>đương</i> <i>theo đơn</i> <i>vị tiền</i> <i>nước</i> <i>ngoài,</i> <i>nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

¹Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

²Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ²			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

²Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

²Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

⁵Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp CMND, Hchiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn													

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

ST T	Chủ sở hữu/Cổ đồng là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp CMND, Hchiếu đối với cá nhân; hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (<i>bằng số;</i> <i>VNĐ và giá trị</i> <i>ương đương theo</i> <i>đơn vị tiền nước</i> <i>ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

61. Thủ tục: Đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã/ Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã/ Hợp tác xã tín dụng (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ Liên hiệp hợp tác xã/ Hợp tác xã tín dụng; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên Liên hiệp hợp tác xã/ Hợp tác xã tín dụng (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>);

	<p>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Nghị quyết Hội nghị thành lập;</p> <p>- Trường hợp đăng ký Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Liên hiệp hợp tác xã/ Hợp tác xã tín dụng
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách thành viên hợp tác xã (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận đăng ký khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; 2. Hồ sơ đăng ký theo quy định; 3. Tên của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật này (<i>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã quyết định tên, biểu tượng của mình nhưng không trái với quy định của pháp luật. Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được viết bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu và được bắt đầu bằng cụm từ “Hợp tác xã” hoặc “Liên hiệp hợp tác xã”; Tên, biểu tượng của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được bảo hộ theo quy định của pháp luật</i>) và Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được viết bằng tiếng Việt hoặc ký tự La - tinh trừ ký tự đặc biệt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu và được bắt đầu bằng cụm từ “hợp tác xã” hoặc “liên hiệp hợp tác xã” sau đó là tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh hay ký hiệu phụ trợ khác để cấu thành tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao

dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phát hành; Cơ quan đăng ký hợp tác xã có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu tên đó không phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị định này (Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên đầy đủ hoặc tên viết tắt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã khác đã đăng ký trong phạm vi cả nước; Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân khác theo pháp luật về sở hữu trí tuệ; Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Sử dụng tên danh nhân, từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc); Cơ quan đăng ký hợp tác xã có trách nhiệm công khai tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký; các hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đăng ký trước khi Nghị định này có hiệu lực có tên gây nhầm lẫn thì cơ quan đăng ký hợp tác xã khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tương tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên hoặc bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên).

4. Có trụ sở chính theo quy định tại Điều 26 của Luật này (Trụ sở chính của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã là địa điểm giao dịch của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)).

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.

2. Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.

3. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:

a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định;

b) Người được cá nhân quy định tại điểm a Khoản 3 nêu trên ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã. Trong trường hợp này, kèm theo hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư 07/2019/TT-BKHĐT (Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).

4. Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng

	ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):

9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (<i>trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)				
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):
 Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):
 Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký và ghi họ tên)¹⁸⁵

¹⁸⁵ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Danh sách Hội đồng quản trị										
1										
2										
Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										
1										
2										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

62. Thủ tục: Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản

	<p>ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã tín dụng; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã tín dụng
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-7 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-7

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày: /...../ Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):..... Ngày cấp:

...../...../..... Nơi cấp:

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
6.2	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
6.3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6.4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)

² Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

³ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

6.5	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):	
6.6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
6.7	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
6.8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁵

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁵ - Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã thì người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh thì người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

**63. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã
tín dụng**

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho

	<p>cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp HTX
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký kinh doanh (thay đổi nội dung). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;</p> <p>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</p>

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:.....

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:.....

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã² (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/
thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**

(*Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm*)

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính*).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 (Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ :

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

	Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:				
	Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
7	Tổng số lao động:				
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: /...../ Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có):
Đề nghị (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)
cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

64. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu); - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại

	<p>diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-9 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-9

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*): .

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: ...

Nội dung đăng ký thay đổi:

.....

.....

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

(*Ký, ghi họ tên, đóng dấu*)⁷

⁶ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

⁷

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

65. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã tín dụng chia

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt

	<p>buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Sau khi đại hội thành viên quyết định chia, Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, Liên hiệp hợp tác xã về quyết định chia và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã mới.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh⁸ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

⁸ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

	Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁹ (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹⁰ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ¹¹ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹² (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

⁹ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

¹⁰ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

¹¹ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{12, 6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

66. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã tín dụng tách

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt

	<p>buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, Liên hiệp hợp tác xã về quyết định tách và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã mới
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

	Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

67. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã xin dụng hợp nhất

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt

	<p>buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hợp nhất HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của các Liên hiệp hợp tác xã dự kiến hợp nhất xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Liên hiệp hợp tác xã về quyết định hợp nhất. - Hội đồng quản trị của các Liên hiệp hợp tác xã dự định hợp nhất hiệp thương thành hội đồng hợp nhất. Hội đồng có nhiệm vụ xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên quyết định.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:.....

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

	Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

68. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã xin dụng sáp nhập

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt

	<p>buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập HT, liên hiệp hợp tác xã. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của các HTX, Liên hiệp hợp tác xã bị sáp nhập xây dựng phương án sáp nhập trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Liên hiệp hợp tác xã về quyết định sáp nhập. - Hội đồng quản trị của các HTX, Liên hiệp hợp tác xã bị sáp nhập hiệp thương về phương án sáp nhập, gồm các nội dung chủ yếu sau: phương án xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ; phương án xử lý lao động và những vấn đề tồn đọng của các Liên hiệp hợp tác xã bị sáp nhập.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:.....

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:.....

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã² (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/
thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**
(*Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm*)

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính*).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 (Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ :

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

	Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:				
	Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
7	Tổng số lao động:				
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: /...../ Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có):
Đề nghị (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)
cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ
sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

69. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã tín dụng, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã/Hợp tác xã tín dụng (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp đăng ký trực tiếp: - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp

	<p>lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-18 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-18

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện,
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*chỉ kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ/

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)²

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

²

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

70. Thủ tục: *Giải thể tự nguyện Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể HTX là tổ chức tín dụng, liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

	<p>quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể HTX, Liên hiệp hợp tác xã; - Biên bản hoàn thành việc giải thể HTX, liên hiệp hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã, liên hiệp HTX; - Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể HTX, Liên hiệp hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể HTX, Liên hiệp hợp tác xã. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận giải thể
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc giải thể Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục số I-13 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đại hội thành viên ra quyết định thành lập hội đồng giải thể phải thực hiện các công việc sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo về việc giải thể tới cơ quan nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã; đăng báo địa phương nơi HTX, Liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong 03 số liên tiếp về việc giải thể; + Thông báo tới tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, Liên hiệp hợp tác xã về thời hạn thanh toán nợ, thanh lý các hợp đồng; thực hiện việc xử lý tài sản, vốn của HTX, Liên hiệp hợp tác xã;
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-13

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc giải thể hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

Trường hợp hợp tác xã gửi Quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Quyết định giải thể số:..... ngày.../...../.....

Lý do giải thể:

.....

.....

Kính đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của hợp tác xã (*nếu có*) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 4 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Kính đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể. Hợp tác xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)⁴

³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

71. Thủ tục: Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. <p>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ,</p>

	<p>nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp thay đổi điều lệ thì HTX, Liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã, liên hiệp HTX gửi kèm theo bản danh sách thành viên (<i>theo mẫu</i>) sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên thì HTX, Liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>) sau khi thay đổi <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Bổ sung hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (thay đổi thông tin). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>). - Danh sách thành viên hợp tác xã - trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên - trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:.....

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:.....

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã² (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/
thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**

(*Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm*)

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính*).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 (Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ :

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

	Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:				
	Điện thoại:				
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):				
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....				
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
7	Tổng số lao động:				
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: /...../ Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có):
Đề nghị (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)
cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ
sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành viên mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

72. Thủ tục: Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ,

	<p>nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <p>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX, Liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Bổ sung hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-6 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã như sau: (Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung thông báo và gửi kèm)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

2. Số vốn góp:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

2. Số cổ phần:

3. Mệnh giá cổ phần:

4. Giá trị số cổ phần đã mua:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

2. Vốn điều lệ:

Hợp tác xã cam kết:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

73. Thủ tục: Tạm ngừng hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp

	<p>đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <p>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của HTX, Liên hiệp hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận tạm ngừng
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-10 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-10

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

1. Đối với hợp tác xã:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh, đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng tạm ngừng hoạt động.

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*) ..

.....
Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....
Lý do tạm ngừng:

³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁴

4

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

74. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. <p>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ,</p>

	<p>nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận chấm dứt hoạt động
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-11 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài (<i>Phụ lục I-12 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-11

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Lý do chấm dứt hoạt động:.....

.....

⁵ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Hợp tác xã cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁶

6

- Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-12

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in
hoa):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước
ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:**

Do (tên cơ quan nước ngoài cấp): cấp ngày:...../...../.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

75. Thủ tục: Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã / Hợp tác xã tín dụng

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Trường hợp nộp trực tiếp, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. <p>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả</p>

	<p>và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <p>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-17 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-17

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau²:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

² Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ:

01. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu);- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu);- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong 37 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về các nội dung liên quan theo quy định. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung liên quan theo quy định. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung liên quan theo quy định để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh - Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân tỉnh; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật,

	<p>động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)
Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34,
35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất

phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc

Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤP ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α -phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ.DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayensis</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemoredus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐAO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

02. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. - Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Dự kiến: Trong 152 ngày làm việc (phụ thuộc vào thời gian giải quyết của các Bộ ngành và Trung ương)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và

	<p>Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.</p> <p>- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung theo quy định của Luật đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.</p> <p>- Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.</p> <p>- Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Quốc hội</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chính phủ; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân tỉnh; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Nghị quyết về chủ trương đầu tư hoặc văn bản thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>).</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể:</p> <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)
Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà DTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử

dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc

Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤP ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoetochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đẫy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

03. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Dự kiến: Trong 15 ngày làm việc (phụ thuộc vào thời gian ý kiến của các Bộ ngành và Trung ương)

	<p>a, Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan nhà nước có liên quan về các nội dung được quy định.</p> <p>b, Ngoại trừ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>c, Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>d, Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và gửi văn bản quyết định chủ trương đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể:</p> <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p>

	<p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>
--	---

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)
Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)*

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành <i>(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)</i>	Mã ngành theo VSIC <i>(Mã ngành cấp 4)</i>	Mã ngành CPC (*) <i>(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)</i>
1	<i>(Ngành kinh doanh chính)</i>			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà DTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (*m² hoặc ha*):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất*(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử

dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc

Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤP ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzos [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
	Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate		
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sulfur mustards):		
	đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide	2625-76-5	2930.90
	đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide	505-60-2	2930.90
	đ Bis(2-chloroethylthio) methane	63869-13-6	2930.90
	đ Sesquimustard:	3563-36-8	2930.90
	1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane		
	đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane	63905-10-2	2930.90
	đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane	142868-93-7	2930.90
	đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane	142868-94-8	2930.90
	đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether	63918-90-1	2930.90
	đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	63918-89-8	2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine	541-25-3	2931.00
	Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine	40334-69-8	2931.00
	Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	40334-70-1	2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine	538-07-8	2921.19
	HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine	51-75-2	2921.19
	HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	555-77-1	2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemoredus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

04. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong 15 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>áp dụng đối với các dự án phù hợp với quy hoạch và không có vướng mắc</i>). Các trường hợp còn lại các đơn vị phải có ý kiến gửi về

	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư trong vòng 07 ngày làm việc. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Quyết định chủ trương hoặc Văn bản thông báo của UBND tỉnh.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể:</p> <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử

dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc

Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤP ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sulfur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ẨM THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẺ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemoredus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

05. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp dự án đầu tư mới, hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); + Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu</i>); + Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; + Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ như hồ sơ dự án đầu tư mới, tuy nhiên trong đó đề xuất dự án đầu tư thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 05 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở

	Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.3, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); d) Kinh doanh mại dâm; đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người. g) Kinh doanh pháo nổ 2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ. - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)
Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.3
Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Khoản 2
Điều 37 Luật đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

- a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.
- b) Vốn lưu động: ...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác:*

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): *Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ*

7. Nhu cầu về lao động: *(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)*

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyên giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÀ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vân (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

06. Thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong 18 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>áp dụng đối với các dự án phù hợp với quy hoạch và không có vướng mắc</i>). Các trường hợp còn lại các đơn vị phải có ý kiến gửi về

	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư trong vòng 07 ngày làm việc. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể:</p> <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)*

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành <i>(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)</i>	Mã ngành theo VSIC <i>(Mã ngành cấp 4)</i>	Mã ngành CPC (*) <i>(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)</i>
1	<i>(Ngành kinh doanh chính)</i>			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (*m² hoặc ha*):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất*(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử

dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyên giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyên giao công nghệ thuộc

Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤP ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sulfur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ẨM THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

07. Thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong 40 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về các nội dung được quy định.

	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung theo quy định.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể:</p> <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c</p>

	<p>khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*
Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam)*:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam)*:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)*

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành <i>(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)</i>	Mã ngành theo VSIC <i>(Mã ngành cấp 4)</i>	Mã ngành CPC (*) <i>(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)</i>
1	<i>(Ngành kinh doanh chính)</i>			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà DTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (*m² hoặc ha*):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất*(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử

dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc

Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤP ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemoredus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÀ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

08. Thủ tục: Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Dự kiến trong 18 ngày làm việc (phụ thuộc vào thời gian ý kiến của các Bộ ngành và Trung ương)

	<p>- Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan nhà nước có liên quan về các nội dung theo quy định.</p> <p>- Ngoại trừ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và gửi văn bản quyết định chủ trương đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể:</p> <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p>

	- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*
Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:
Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam)*:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam)*:.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư

thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:
3. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ
4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).
- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)*

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành <i>(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)</i>	Mã ngành theo VSIC <i>(Mã ngành cấp 4)</i>	Mã ngành CPC (*) <i>(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)</i>
1	<i>(Ngành kinh doanh chính)</i>			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà DTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (*m² hoặc ha*):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất*(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử

dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc

Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤP ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzos [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc lông trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayensis</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đẫy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

09. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (nhà đầu tư nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư). * Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Cơ quan đăng ký đầu tư, gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư, cụ thể: Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; Thời hạn hoạt động của dự án; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả

	<p>kinh tế - xã hội của dự án; Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.7, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>);
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: <ol style="list-style-type: none"> 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); d) Kinh doanh mại dâm; đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người. g) Kinh doanh pháo nổ 2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ. - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch

	<i>và Đầu tư;</i>
--	-------------------

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do

..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamfetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α -phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoetochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayensis</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẺ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vân (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

10. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm: * Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư, cụ thể: Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; Thời hạn hoạt động của dự án; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục</p>

	<p>đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>* Trường hợp điều chỉnh các nội dung không được quy định tại trường hợp trên, nhà đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tại Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (<i>TTHC số 09, phần II-Lĩnh vực Doanh nghiệp, kinh tế tập thể và Tư nhân</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>a, Trong 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>áp dụng đối với các dự án phù hợp với quy hoạch và không có vướng mắc</i>). Các trường hợp còn lại các đơn vị phải có ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong vòng 07 ngày làm việc. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. <p>b, Trong 03 ngày làm việc theo quy định tại Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.

Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6 hoặc I.7, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); d) Kinh doanh mại dâm; đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người. g) Kinh doanh pháo nổ 2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ. <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (<i>nếu có</i>).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu****có):**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi trong tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / ... / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do *(tên cơ quan cấp)* cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N</i> , <i>N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N</i> , <i>N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α -phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetho</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
	Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate		
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayensis</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

11. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư, cụ thể: Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; Thời hạn hoạt động của dự án; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục

	<p>đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>* Trường hợp điều chỉnh các nội dung không được quy định tại trường hợp trên, nhà đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tại Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (<i>TTHC số 09, phần II-lĩnh vực Doanh nghiệp, kinh tế tập thể và Tư nhân</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>a, Trong 40 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ đối với Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về các nội dung điều chỉnh theo quy định. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung điều chỉnh theo quy định. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. <p>b, Trong 03 ngày làm việc theo quy định tại Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân</p>

Cơ quan thực hiện	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6 hoặc I.7, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); d) Kinh doanh mại dâm; đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người. g) Kinh doanh pháo nổ 2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ. - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu****có):**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi trong tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / ... / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nếu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N</i> , <i>N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N</i> , <i>N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α -phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroine	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sulfur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoetochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

12. Thủ tục: Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư, cụ thể: Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; Thời hạn hoạt động của dự án; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại

	điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>áp dụng đối với các dự án phù hợp với quy hoạch và không có vướng mắc</i>). Các trường hợp còn lại các đơn vị phải có ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong vòng 07 ngày làm việc. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); d) Kinh doanh mại dâm; đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người. g) Kinh doanh pháo nổ

	<p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có). - Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có)
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (*nêu tên của các nhà đầu tư*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư*):
- Vốn vay (*ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn*):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (*nếu có*);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamfetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N</i> , <i>N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N</i> , <i>N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α -phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetho</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroine	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoetochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

13. Thủ tục: Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư, cụ thể: Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; Thời hạn hoạt động của dự án; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại

	<p>điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong 37 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về các nội dung điều chỉnh theo quy định. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung điều chỉnh theo quy định. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu 1.6, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang

	<p>đã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p> <p>- Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có)</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (*nêu tên của các nhà đầu tư*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư*):
- Vốn vay (*ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn*):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (*nếu có*);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đẫy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐAO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

14. Thủ tục: Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm: Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư, cụ thể: Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng; Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; Thời hạn hoạt động của dự án; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của</p>

	<p>công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Dự kiến: trong 15 ngày làm việc (phụ thuộc vào thời gian ý kiến của các Bộ ngành và Trung ương).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định liên quan đến các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Ngoại trừ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu 1.6, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> 1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy

	<p>định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (kèm theo);</p> <p>d) Kinh doanh mại dâm;</p> <p>đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người;</p> <p>e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.</p> <p>g) Kinh doanh pháo nổ</p> <p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.6
Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: / / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ..
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / / Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (*nêu tên của các nhà đầu tư*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư*):
- Vốn vay (*ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn*):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (*nếu có*);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sufur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ: DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cỏ rằn	Anhingidea
51	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

15. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ,
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu 1.7, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, cụ thể: “1. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

	<p>a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án;</p> <p>b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp;</p> <p>c) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;</p> <p>d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Đầu tư mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động;</p> <p>đ) Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;</p> <p>e) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;</p> <p>g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư;</p> <p>h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.”</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;</p> <p>- Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;</p> <p>- Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / ... / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

16. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều</p>

	<p>kiện chuyển nhượng dự án theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<p>Đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, Điều 45 Luật Đầu tư, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> “1. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án; b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp; c) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Đầu tư mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động; <ul style="list-style-type: none"> * Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; - Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; - Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; - Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; - Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm. * Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. đ) Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư; e) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với

	<p>nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;</p> <p>g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư;</p> <p>h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất; - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</i> - <i>Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</i> - <i>Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

17. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân

	<p>tình xem xét về các nội dung theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> “1. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án; b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp; c) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Đầu tư mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động; <ul style="list-style-type: none"> * Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; - Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; - Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; - Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; - Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm. * Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

	<p>đ) Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;</p> <p>e) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;</p> <p>g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư;</p> <p>h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất; - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ..

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu****có):**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tưTùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

18. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều</p>

	<p>kiện chuyển nhượng dự án theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p>
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p> <p>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, cụ thể:</p> <p>“1. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án;</p> <p>b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp;</p> <p>c) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;</p> <p>d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Đầu tư mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động;</p> <p>* Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa;</p> <p>- Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường;</p> <p>- Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động;</p> <p>- Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài;</p> <p>- Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm.</p> <p>* Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>đ) Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;</p> <p>e) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;</p> <p>g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư;</p> <p>h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.”</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án</p>

	<p>thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất; - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ..

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu

có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (*nêu tên của các nhà đầu tư*) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (*tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp*) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (*ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký*):, trong đó:

- Vốn góp (*ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư*):
- Vốn vay (*ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn*):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (*nếu có*);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

19. Thủ tục: Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều a Khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân

	<p>tình xem xét về các nội dung theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư;
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu I.8, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> “1. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án; b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp; c) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư; d) Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Đầu tư mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động; <ul style="list-style-type: none"> * Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa; - Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; - Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động; - Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài; - Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm. * Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. đ) Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;

	<p>e) Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư;</p> <p>g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư;</p> <p>h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; - Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất; - Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có)với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ..

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu

có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

20. Thủ tục: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (theo mẫu I.6 hoặc mẫu I.7); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư; - Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum</p> <p>b) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6 hoặc Mẫu I.7, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	- Sau khi hoàn thành thủ tục quy định tại Khoản 2, Điều 38 Nghị định số, ngày 12/11/2015 của Chính phủ: “Nhà đầu tư quyết định việc tổ chức lại và xử lý tài sản, quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan”.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6
Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ..

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu

có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / ... / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

21. Tên thủ tục: Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Đối với dự án đầu tư thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu I.6 hoặc mẫu I.7</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 ộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ,
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum</p> <p>b) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu I.6 hoặc Mẫu I.7, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật đầu tư 2014, cụ thể:</p> <p>1. Cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); b) Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); c) Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư (<i>kèm theo</i>); d) Kinh doanh mại dâm; đ) Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; e) Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người. g) Kinh doanh pháo nổ

	<p>2. Việc sản xuất, sử dụng sản phẩm quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37
Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ..

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu****có):**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

.....

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tưTùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / ... / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC CHẤT MA TÚY CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH

TT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3- <i>O</i> -acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - <i>endoetho</i> - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl- <i>alpha</i> -methylfenanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	<i>Alpha</i> -methylfentanyl	<i>N</i> - [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	<i>Beta</i> -hydroxyfentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	<i>Beta</i> -hydroxymethyl-3 - fentanyl	<i>N</i> - [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propionanilide	78995-14-9
7	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
8	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
9	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
10	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
11	DET	<i>N, N</i> - diethyltryptamine	7558-72-7
12	Delta-9-tetrahydrocannabinol và các đồng phân	(6 <i>aR</i> , 10 <i>aR</i>) - 6 <i>a</i> , 7, 8, 10 <i>a</i> - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	1972-08-3
13	DMA	(\pm) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
14	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 6 <i>H</i> -dibenzo [<i>b,d</i>] pyran	32904-22-6
15	DMT	<i>N, N</i> - dimethyltryptamine	61-50-7
16	DOET	(\pm) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
17	Eticyclidine	<i>N</i> - ethyl - 1 - phenylcyclohexylamine	2201-15-2
18	Etorphine	Tetrahydro - 7 α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - <i>endoetheno</i> - oripavine	14521-96-1
19	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
20	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
21	Ketobemidone	4 - <i>meta</i> - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
22	MDMA	(\pm) - <i>N</i> - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
23	Mescaline	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
24	Methcathinone	2 - (methylamino) - 1 - phenylpropan - 1 - one	5650-44-2
25	4 - methylaminorex	(\pm) - <i>cis</i> - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
26	3 - methylfentanyl	<i>N</i> - (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3

27	3 - methylthiofentanyl	<i>N</i> - [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
28	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
29	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α)-17 -Methyl-7,8 -didehydro-4,5 - epoxymorphinan-3,6-diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
30	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6
31	(+) - Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - <i>N,N</i> - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
32	<i>N</i> - hydroxy MDA (MDOH)	(±) - <i>N</i> - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
33	<i>N</i> -ethyl MDA	(±) <i>N</i> - ethyl - methyl - 3,4 - methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
34	<i>Para</i> - fluorofentanyl	4' - fluoro - <i>N</i> - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
35	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6 <i>H</i> - dibenzo [<i>b,d</i>] pyran - 1 - ol	117-51-1
36	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
37	PMA	<i>p</i> - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
38	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimethylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
39	Psilocybine	3 - [2 - dimethylaminoethyl] indol - 4 - yl dihydrogen phosphate	520-52-5
40	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) pyrrolidine	2201-39-0
41	STP, DOM	2,5 - dimethoxy - 4, α - dimethylphenethylamine	15588-95-1
42	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	4764-17-4
43	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
44	Thiofentanyl	<i>N</i> - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6
45	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

Danh mục này bao gồm tất cả các muối bất kỳ khi nào có thể tồn tại của các chất thuộc danh mục nêu trên.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÓA CHẤT, KHOÁNG VẬT

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-phosphonofluoridate Ví dụ: Sarin: O-Isopropylmethylphosphonofluoridate	107-44-8 96-64-0	2931.00 2931.00 2931.00
	Soman: O-Pinacolyl methylphosphonofluoridate		
2	Các hợp chất O-Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N- dialkyl(Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) - phosphoramidocyanidate Ví dụ: Tabun: O-Ethyl N,N-dimethyl phosphoramidocyanidate	77-81-6	2931.00 2931.00
3	Các hợp chất O-Alkyl (H or $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonothiolate và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: VX: O-Ethyl S-2-diisopropylaminoethyl methyl phosphonothiolate	50782-69-9	2930.90 2930.90
4	Các chất khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh (Sulfur mustards): đ 2-Chloroethylchloromethylsulfide đ Khí gây bỏng: Bis(2-chloroethyl)sulfide đ Bis(2-chloroethylthio) methane đ Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane đ 1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane đ 1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane đ 1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane đ Bis(2-chloroethylthiomethyl)ether đ Khí gây bỏng chứa Lưu huỳnh và Oxy: Bis(2-chloroethylthioethyl) ether	2625-76-5 505-60-2 63869-13-6 3563-36-8 63905-10-2 142868-93-7 142868-94-8 63918-90-1 63918-89-8	2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90 2930.90
5	Các hợp chất Lewisite (chứa Arsen): Lewisite 1: 2-Chlorovinyl dichloroarsine Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl)arsine	541-25-3 40334-69-8 40334-70-1	2931.00 2931.00 2931.00
6	Hơi cay Nitơ (Nitrogen mustards): HN1: Bis(2-chloro ethyl)ethylamine HN2: Bis(2-chloroethyl)methylamine HN3: Tris(2-chloroethyl)amine	538-07-8 51-75-2 555-77-1	2921.19 2921.19 2921.19
7	Saxitoxin	35523-89-8	3002.90
8	Ricin	9009-86-3	3002.90
B	Các tiền chất		
1	Các hợp chất Alkyl (Me, Et, n-Pr or i-Pr) phosphonyldifluoride Ví dụ.DF: Methylphosphonyldifluoride	676-99-3	2931.00

2	Các hợp chất O-Alkyl (H or \leq C10, gồm cả cycloalkyl) O- 2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonite và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng Ví dụ: QL: O-Ethyl O-2-diisopropylaminoethyl methylphosphonite	57856-11-8	2931.00
3	Chlorosarin: O-Isopropyl methylphosphonochloridate	1445-76-7	2931.00
4	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate	7040-57-5	2931.00
C	Khoáng vật		
1	Amiang màu thuộc nhóm Amphibol		

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC LOÀI HOANG DÃ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

NHÓM I: Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích đầu tư kinh doanh

IA. Thực vật

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
	LỚP THÔNG	PEVOSIDA
	Họ Hoàng đàn	Cupressaceae
1	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
2	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
3	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
4	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
5	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	Họ Thông	Pinaceae
6	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>
7	Vân sam Fan si pang	<i>Abies delavayi var. nukiangensis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	LỚP MỘC LAN	MAGNOLIOPSIDA
	Họ dầu	Dipterocarpaceae
8	Chai lá cong	<i>Shorea falcata</i>
9	Kiên kiên Phú Quốc	<i>Hopea pierrei</i>
10	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>
11	Sao mạng Cà Ná	<i>Hopea reticulata</i>
	Họ Hoàng liên gai	Berberidaceae
12	Hoàng liên gai	<i>Berberis julianae</i>
	Họ Mao lương	Ranunculaceae
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
14	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae
15	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>
16	Sâm Ngọc Linh	<i>Panax vietnamensis</i>
17	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleamtus</i>
	LỚP HÀNH	LILIOPSIDA
	Họ lan	Orchidaceae
18	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
19	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

IB. Động vật

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA
	Họ Chồn dơi	Cynocephaliadea
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES
	Họ Cu li	Loricidea
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
	Họ Khi	Cercopithecidae
4	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus</i>

5	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc chà vá chân đỏ (Voọc chà vá chân nâu)	<i>Pygathrix nemaeus</i>
8	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>
9	Voọc đen Hà Tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
12	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
13	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei</i>
	Họ Vượn	Hylobatidae
14	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
15	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
16	Vượn đen tuyến Đông Bắc (Vượn Cao Vít)	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
17	Vượn đen tuyến Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
	BỘ THÚ ĂN THỊT	CARNIVORA
	Họ Chó	Canidae
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
	Họ Gấu	Ursidae
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayemus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
	Họ Chồn	Mustelidae
21	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
22	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>
23	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>
	Họ Cầy	Viverridae
25	Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>
	Họ Mèo	Felidae
26	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
27	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
28	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>
29	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>
31	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>
	BỘ CÓ VÔI	PROBOSCIDEA
32	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC LẼ	PERISSODACTYLA
33	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	BỘ MÓNG GUỐC	ARTIODACTYLA
	NGÓN CHÂN	
	Họ Hươu nai	Cervidae
34	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>
35	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
36	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
37	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsongensis</i>
38	Nai cà tong	<i>Rucervus eldi</i>
	Họ Trâu bò	Bovidae
39	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
40	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>

41	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
42	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
43	Sơn dương	<i>Naemorhedus sumatraensis</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA
	Họ Tê tê	Manidae
45	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>
46	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA
	Họ Thỏ rừng	Leporidae
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>
	BỘ CÁ VOI	CETACEA
	Họ Cá heo	Delphinidea
48	Cá Heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>
	BỘ HẢI NGƯU	SIRNIA
49	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>
	LỚP CHIM	AVES
	BỘ BÒ NÔNG	PELECANIFORMES
	Họ Bò nông	Pelecanidea
50	Bò nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>
	Họ Cổ rắn	Anhingidea
51	Cổ rắn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>
	Họ Diệc	Ardeidea
52	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>
53	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>
	Họ Hạc	Ciconiidea
54	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
55	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
	Họ Cò quắm	Threskiomithidea
56	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
57	Quắm cánh xanh (Cò quắm cánh xanh)	<i>Pseudibis davisoni</i>
58	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Thaumatibis gigantea</i>
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES
	Họ Vịt	Anatidea
59	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	BỘ GÀ	GALLIFORMES
	Họ Trĩ	Phasianidea
60	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
61	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura echvardsi</i>
62	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>
63	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
64	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
	BỘ SẾU	GRUIFORMES
	Họ Sếu	Gruidae
65	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụ)	<i>Grus antigone</i>
	Họ Ô tác	Otidae
66	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	BỘ SÁ	CORACIIFORMES
	Họ Hồng hoàng	Bucerotidae

67	Niệc nâu	<i>Ptilolaemus tickelli</i>
68	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
69	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
70	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES
	Họ Khướu	Timaliidae
71	Khướu Ngọc Linh	<i>Garrulax Ngoclinhensis</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	BỘ CÓ VÂY	SQUAMATA
	Họ Kỳ đà	Varanidae
72	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
73	Kỳ đà vằn (Kỳ đà núi)	<i>Varanus bengalensis</i>
	Họ Rắn hổ	Elapidae
74	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	BỘ RÙA	TESTUDINES
	Họ Rùa da	Dermochelyidae
75	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>
	Họ Vích	Cheloniidae
76	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>
77	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>
78	Quần đồng	<i>Caretta caretta</i>
79	Vích	<i>Chelonia mydas</i>
	Họ Rùa đầm	Cheloniidae
80	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora trifasciata</i>
81	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>
82	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
83	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
	Họ Ba ba	Trionychidae
84	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>
85	Giải Sin-hoe (Giải Thượng Hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>
	LỚP CÁ	
	BỘ CÁ CHÉP	CYPRINIFORMES
	Họ Cá Chép	Cyprinidae
86	Cá lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
87	Cá chép gốc	<i>Procypris merus</i>
88	Cá mè Huế	<i>Chanodichthys flavipinnis</i>
	BỘ CÁ CHÌNH	ANGUILLIFORMES
	Họ cá chình	Aneuillidae
89	Cá chình nhật	<i>Anguilla japonica</i>
	BỘ CÁ ĐẠO	PRISTIFORMES
	Họ cá đao	Pristidae
90	Cá đao nước ngọt	<i>Pristis microdon</i>

22. Thủ tục: Nộp lại, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. * Trường hợp hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. * Đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật Đầu tư, nhà đầu tư được tiếp tục thực hiện dự án đầu tư và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có nhu cầu). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum</p> <p>b) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn,	Không
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng. - Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

23. Thủ tục: *Giãn tiến độ dự án*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh. - Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (<i>Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 10 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Văn bản chấp thuận hoặc Từ chối đề nghị giãn tiến độ dự án
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu 1.9 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư. - Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.9
Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư
(Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nêu thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:.....
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ (ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động; tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư...)

2. Thời gian giãn tiến độ:

3. Giải trình lý do giãn tiến độ:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

24. Thủ tục: Chấm dứt dự án đầu tư theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư

Trình tự thực hiện	Trong 15 ngày, kể từ ngày nhà đầu tư ra Quyết định chấm dứt hoạt động dự án. Nhà đầu tư có trách nhiệm nộp hồ sơ tại Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư (theo mẫu) - Quyết định chấm dứt hoạt động của dự án - Bản gốc Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có). - Điều lệ hoặc hợp đồng trong trường hợp điều lệ hoặc hợp đồng ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (nếu có) b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	Ngay khi tiếp nhận
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Kết quả	Tiếp nhận hồ sơ
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư (theo mẫu I.11, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015).
Yêu cầu, điều kiện	- Dự án thuộc trường hợp nhà đầu tư tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án; - Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp; - Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.11

Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư
(Điểm a, b và c, khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

1. Tình hình hoạt động của dự án

- Tình hình góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tình hình xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tình hình thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,

IV. NỘI DUNG CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Thời điểm chấm dứt hoạt động của dự án: từ ngày... tháng... năm.....

2. Giải trình lý do chấm dứt hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

25. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động dự án theo quy định tại Điểm d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản tham mưu UBND tỉnh xem xét thu hồi chủ trương đầu tư dự án (đối với dự án thuộc trường hợp Quyết định chủ trương đầu tư)</p> <p>Bước 2. Sau khi có văn bản thống nhất của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư ra Quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có)</p> <p>Bước 3. Nhà đầu tư có trách nhiệm nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>- Văn bản tham mưu UBND tỉnh xem xét thu hồi chủ trương đầu tư dự án</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Đầu tư mà nhà đầu tư không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động.</p> <p>* Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư quyết định ngừng hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Để bảo vệ di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của Luật di sản văn hóa;</p> <p>+ Để khắc phục vi phạm môi trường theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về môi trường;</p> <p>+ Để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo đề nghị của cơ quan nhà nước quản lý về lao động;</p> <p>+ Theo quyết định, bản án của Tòa án, Trọng tài;</p> <p>+ Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm.</p> <p>* Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Nhà đầu tư bị Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư và không thực hiện thủ</p>

	<p>tục điều chỉnh địa điểm đầu tư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc không được tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động, cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư; - Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật đầu tư; - Theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</i> - <i>Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</i> - <i>Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>

26. Thủ tục: Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	- Trong 05 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ,
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Thông báo. Sau khi nhận thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông tại Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (<i>Mẫu I.4 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	- Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo các hình thức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn vào tổ chức kinh tế theo các hình thức sau đây: Mua cổ phần phát hành lần đầu hoặc cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần; Góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; Góp vốn vào tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế theo các hình thức sau đây: Mua cổ phần của công ty cổ phần từ công ty hoặc cổ đông; Mua phần vốn góp của các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn để trở thành thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn; Mua phần vốn góp của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh để</i>

	<p><i>trở thành thành viên góp vốn của công ty hợp danh; Mua phần vốn góp của thành viên tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này) phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 22 của Luật Đầu tư (Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ quy định tại khoản 3 Điều này Nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu vốn điều lệ không hạn chế trong tổ chức kinh tế, trừ các trường hợp sau đây: Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty niêm yết, công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán; Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước; Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; - Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư (Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: Tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới 51% lên 51% trở lên và tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên trong tổ chức kinh tế.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;;

Mẫu I.4

Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài
(Điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/MUA CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố.....

Nhà đầu tư đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua lại phần vốn góp vào(tên tổ chức kinh tế)....với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:..... Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ NHẬN GÓP VỐN/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:

1. Tên tổ chức kinh tế:

- Tên bằng tiếng Việt:.....

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Tên viết tắt (nếu có):

2. Mã số doanh nghiệp: Ngày cấp lần đầu:

3. Loại hình doanh nghiệp:

4. Địa chỉ trụ sở chính: (Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4)

6. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

7. Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

III. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ SAU KHI NHẬN VỐN GÓP/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:

1. Vốn điều lệ:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ.

2. Tỷ lệ sở hữu:

ST T	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Số vốn góp		T ỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC)

(*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

IV. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (nếu có).

(Giải trình về đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế)

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

Hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 26 Luật đầu tư (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua
cổ phần, phần vốn góp

Nhà đầu tư
Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ

Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*).

tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

27. Thủ tục: *Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, hoặc Giấy tờ pháp lý tương đương. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>Mẫu 1.12- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/</i>).
Yêu cầu, điều kiện	- Nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.12
Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
(Điều 61 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu))*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo*(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do

(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và các giấy điều chỉnh đã được cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Thông tư này trên cơ sở các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... đã cấp):

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

28. Thủ tục: *Tạm ngừng hoạt động của dự án.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định của nhà đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (<i>Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật</i>). <p>b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	Không
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Tiếp nhận hồ sơ và ghi nhận
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (<i>Mẫu I.10, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện	Áp dụng đối với dự án đang hoạt động và nhà đầu tư quyết định ngừng hoạt động của dự án
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.10

Văn bản thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư
(Khoản 1 Điều 47 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nêu các thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,

IV. NỘI DUNG TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (tên dự án)....., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung tạm ngừng hoạt động (ghi cụ thể việc ngừng từng phần hay toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư):

2. Thời gian tạm ngừng hoạt động (từ ngày... tháng... năm đến ngày tháng năm):

3. Giải trình lý do tạm ngừng hoạt động:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư;

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*)

29. Thủ tục: Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành; - Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành; - Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành; - Bản sao hợp đồng BCC. - Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm của nhà đầu tư (<i>hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê địa điểm,.....</i>). <p>Số lượng: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành hoặc thông báo
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành (<i>Mẫu 1.5, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Có hồ sơ hợp lệ; - Nhà đầu tư nước ngoài là một bên trong hợp đồng BCC.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.5

Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành
(Điểm a Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đăng ký thành lập Văn phòng điều hành dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / ... / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Tên văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án:

2. Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

3. Ngày cấp (lần đầu):

4. Cơ quan cấp:

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Mục tiêu dự án:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên văn phòng điều hành:

Tên bằng tiếng Việt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ văn phòng (ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành (ghi cụ thể theo từng nội dung và phạm vi hoạt động của Văn phòng điều hành):

4. Thời hạn hoạt động (ghi số năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành):

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng điều hành.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điểm b, c, d Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư (*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*):
2. Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm của nhà đầu tư (*hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê địa điểm,.....*).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*)

30. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn; - Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán; - Danh sách người lao động và quyền lợi người lao động đã được giải quyết; - Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế; - Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội; - Xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Bản sao hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ,
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

31. Thủ tục: *Cung cấp thông tin về dự án đầu tư*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, Số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cung cấp thông tin về dự án (<i>nhà đầu tư nêu rõ các nội dung đề nghị cung cấp: quy hoạch, danh mục dự án đầu tư và các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư</i>) <p>b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Văn bản trả lời cho Nhà đầu tư
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

32. Thủ tục: Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị của Nhà đầu tư (gồm: Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; Ưu đãi đầu tư theo quy định tại văn bản pháp luật trước thời điểm văn bản pháp luật mới có hiệu lực gồm: Loại ưu đãi, điều kiện hưởng ưu đãi, mức ưu đãi (nếu có); Nội dung văn bản pháp luật mới có quy định làm thay đổi ưu đãi đầu tư quy định tại Điểm b Khoản này; Đề xuất của nhà đầu tư về áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật Đầu tư) - Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quy định về ưu đãi đầu tư (nếu có một trong các loại giấy tờ đó) <p>b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	Văn bản trả lời cho Nhà đầu tư
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Đối với biện pháp bảo đảm đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Đầu tư (Trường hợp nhà đầu tư không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này (Quy định tại khoản 2 Điều này (Trường hợp văn bản pháp luật mới được ban hành quy định ưu đãi đầu tư thấp hơn ưu đãi đầu tư mà nhà đầu tư được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án) không áp dụng trong trường hợp thay đổi quy định của văn bản pháp luật vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường) thì được xem xét giải quyết bằng một hoặc một số biện pháp sau đây: Khấu trừ thiệt hại thực tế

	<i>của nhà đầu tư vào thu nhập chịu thuế; Điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư; Hỗ trợ nhà đầu tư khắc phục thiệt hại), nhà đầu tư phải có yêu cầu bằng văn bản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày văn bản pháp luật mới có hiệu lực thi hành.</i>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, THẨM ĐỊNH VÀ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

01. Thủ tục: *Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật (gọi chung là Dự án đầu tư).*

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Đơn vị được giao làm Chủ đầu tư gửi Hồ sơ Dự án tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P Quyết Thắng -Tp. Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Cơ quan, tổ chức thẩm định tiếp nhận và kiểm tra sơ bộ về tính hợp lệ của hồ sơ, phát hành văn bản lấy ý kiến (nếu có) các ngành liên quan (<i>nếu hồ sơ hợp lệ</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì có văn bản phúc đáp sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ. <p>Bước 4: Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư (nếu có) của các sở chuyên ngành có liên quan và hồ sơ Dự án đảm bảo theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định theo quy định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt.</p> <p>Bước 5. Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định dự án của Chủ đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư (nếu có) đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi; kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (nếu có) đối với Báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Bộ cục, nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Thiết kế cơ sở được lập để đạt được mục tiêu của dự án, phù hợp với công trình xây dựng thuộc dự án, bảo đảm sự đồng bộ giữa các công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng. Thiết kế cơ sở gồm thuyết minh và các bản vẽ thể hiện các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> . Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng; . Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có); . Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng; . Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng cho từng công trình; . Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ; . Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở. + Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng gồm: <ul style="list-style-type: none"> . Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm

	<p>xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> . Khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án như sử dụng tài nguyên, lựa chọn công nghệ thiết bị, sử dụng lao động, hạ tầng kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu trong khai thác sử dụng, thời gian thực hiện, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng, tái định cư (nếu có), giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, vận hành, sử dụng công trình và bảo vệ môi trường; . Đánh giá tác động của dự án liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung cần thiết khác; . Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án; . Các nội dung khác có liên quan. <p>- Bộ cục, nội dung Báo cáo kinh tế kỹ thuật gồm:</p> <p>+ Thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng.</p> <p>+ Các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm thuyết minh về sự cần thiết đầu tư, mục tiêu xây dựng, địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất, quy mô, công suất, cấp công trình, giải pháp thi công xây dựng, an toàn xây dựng, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng và bảo vệ môi trường, bố trí kinh phí thực hiện, thời gian xây dựng, hiệu quả đầu tư xây dựng công trình.</p> <p>- Các văn bản có giá trị pháp lý cần thiết khác như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thông báo giới thiệu địa điểm đất xây dựng, chủ trương đầu tư hoặc quyết định giao kế hoạch vốn, văn bản thỏa thuận quy hoạch kiến trúc hoặc chứng chỉ quy hoạch (nếu có), các văn bản cần thiết khác tùy theo tính chất của từng dự án cụ thể</p> <p>- Văn bản ý kiến thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên ngành (nếu có).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 05 (bộ)</p>		
Thời gian giải quyết	<p>Tổng thời gian thực hiện một công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - DA nhóm A là 40 ngày - DA nhóm B là 30 ngày - DA nhóm C là 20 ngày 	<p>Thời gian lấy ý kiến của ngành liên quan (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> - DA nhóm A là 20 ngày - DA nhóm B là 15 ngày - DA nhóm C là 10 ngày 	<p>Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> - DA nhóm A là 10 ngày - DA nhóm B là 10 ngày - DA nhóm C là 5 ngày
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức		
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan. 		
Kết quả	Biên bản thẩm định dự án.		
Phí, Lệ phí	Không.		
Tên mẫu đơn, tờ khai	Mẫu Tờ trình thẩm định Dự án đầu tư xây dựng công trình (<i>mẫu số 01 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015</i>)		
Yêu cầu, điều kiện	- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch		

	<p>phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương án công nghệ và phương án thiết kế xây dựng phù hợp. - Bảo đảm chất lượng, an toàn trong xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình, phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. - Bảo đảm cấp đủ vốn đúng tiến độ của dự án, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. - Tuân thủ quy định khác của pháp luật có liên quan.
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.....

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ số Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 201...của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình.....;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư (*thiết kế bản vẽ thi công – dự toán*) của Sở.....;

Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....;

(*Tên tổ chức*) trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự án xây dựng công trình.....với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức lập dự án:
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư:
6. Quy mô đầu tư:
7. Phương án thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
8. Loại, cấp công trình, nhóm dự án:
9. Tổng mức đầu tư:

<i>TT</i>	<i>Hạng mục chi phí</i>	<i>Giá trị (đồng)</i>
1	Chi phí xây dựng	
2	Chi phí thiết bị	
3	Chi phí quản lý dự án	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	
5	Chi phí đền bù, GPMB	
6	Chi phí khác	
7	Chi phí dự phòng	
	Tổng cộng	

10. Nguồn vốn đầu tư:
11. Địa điểm xây dựng:
12. Diện tích sử dụng đất:
13. Hình thức đầu tư:
14. Số bước thiết kế:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:
17. Phương thức tổ chức thực hiện:
18. Phương án bồi thường GPMB (nếu có):
19. Các nội dung khác:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO.

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
 - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
 - Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
 - Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
 - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
 - Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
 - Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
 - Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổ chức thẩm định dự án xây dựng công trình.....để chủ đầu tư cơ sở thực hiện các bước tiếp theo (kèm theo Hồ sơ trình thẩm định)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

02. Thủ tục: Trình và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Sau khi tổ chức thẩm định, Chủ đầu tư chỉnh sửa hồ sơ theo quy định (theo Biên bản thẩm định, Thông báo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư). Đơn vị được giao làm Chủ đầu tư nộp lại Hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P. Quyết Thắng -Tp. Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần; Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30'; Buổi chiều từ 13h30' - 16h30'</p> <p>Bước 2. Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3. Cán bộ được giao xử lý, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ theo quy định, đồng thời lập Báo cáo kết quả thẩm định Dự án và dự thảo Quyết định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (<i>nếu hồ sơ đảm bảo hợp lệ</i>). - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì có văn bản phúc đáp sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Bước 4. Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần; Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30'; Buổi chiều từ 13h30' - 16h30'</p>		
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p>		
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Tờ trình xin phê duyệt Dự án (<i>theo mẫu</i>) - Văn bản Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư (<i>nếu có</i>) đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi; kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (<i>nếu có</i>) đối với Báo cáo kinh tế kỹ thuật của Sở quản lý chuyên ngành. - Hồ sơ dự án đầu tư: Báo cáo nghiên cứu khả thi (<i>gồm phần thuyết minh; thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư</i>); Báo cáo kinh tế kỹ thuật (<i>gồm Phần thuyết minh; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán</i>) - Các văn bản có giá trị pháp lý cần thiết khác như: Biên bản thẩm định, Thông báo kết quả thẩm định Dự án, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thông báo giới thiệu địa điểm đất xây dựng, chủ trương đầu tư hoặc quyết định giao kế hoạch vốn, văn bản thỏa thuận quy hoạch kiến trúc hoặc chứng chỉ quy hoạch (<i>nếu có</i>), các văn bản cần thiết khác tùy theo tính chất của từng dự án cụ thể. - Văn bản thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên ngành (<i>nếu có</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)</p>		
<p>Thời gian giải quyết</p>	<p>Nhóm dự án</p>	<p>Thời gian tại Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Thời gian tại UBND tỉnh</p>
	<p>Nhóm A</p>	<p>5 ngày</p>	<p>5 ngày</p>
	<p>Nhóm B</p>	<p>5 ngày</p>	<p>5 ngày</p>
	<p>Nhóm C và BCKTKT</p>	<p>5 ngày</p>	<p>5 ngày</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Tổ chức, cá nhân</p>		
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh và các bộ phận có liên quan thuộc UBND tỉnh.</p>		

	- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.
Kết quả	Quyết định phê duyệt Dự án của UBND tỉnh hoặc của Sở Kế hoạch và Đầu tư <i>(theo hạn mức được ủy quyền)</i>
Lệ phí	Lệ phí thẩm định Dự án theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/12/2016 của Bộ Tài chính <i>(có phụ lục kèm theo)</i>
Tên mẫu đơn, tờ khai	Mẫu Tờ trình xin phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình <i>(mẫu số 02; mẫu số 03- nếu trình có kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)</i>
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng. - Có phương án công nghệ và phương án thiết kế xây dựng phù hợp. - Bảo đảm chất lượng, an toàn trong xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình, phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. - Bảo đảm cấp đủ vốn đúng tiến độ của dự án, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. - Tuân thủ quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/12/2016 của Bộ Tài chính - Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.....

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ số Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 201...của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình.....;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư (*thiết kế bản vẽ thi công – dự toán*) của Sở.....;

Căn cứ Biên bản thẩm định số...../BB-SKHĐT ngày....tháng.....năm.....của Sở Kế hoạch và Đầu tư về.....;

Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....;
 (Tên tổ chức) kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt dự án xây dựng công trình.....với các nội dung như sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức lập dự án:
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư:
6. Quy mô đầu tư:
7. Phương án thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
8. Loại, cấp công trình, nhóm dự án:
9. Tổng mức đầu tư:

<i>TT</i>	<i>Hạng mục chi phí</i>	<i>Giá trị (đồng)</i>
1	Chi phí xây dựng	
2	Chi phí thiết bị	
3	Chi phí quản lý dự án	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	
5	Chi phí đền bù, GPMB	
6	Chi phí khác	
7	Chi phí dự phòng	
	Tổng cộng	

10. Nguồn vốn đầu tư:
11. Địa điểm xây dựng:
12. Diện tích sử dụng đất:
13. Hình thức đầu tư:
14. Số bước thiết kế:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:
17. Phương thức tổ chức thực hiện:
18. Phương án bồi thường GPMB (nếu có):
19. Các nội dung khác:

(Tên tổ chức) kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt dự án xây dựng công trình.....để chủ đầu tư cơ sở thực hiện các bước tiếp theo (kèm theo Hồ sơ trình phê duyệt)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình.....

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ số Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 201...của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công

trình.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 201...của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao nguồn vốn.....;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư (*thiết kế bản vẽ thi công – dự toán*) của Sở.....;

Căn cứ Biên bản thẩm định số...../BB-SKHĐT ngày....tháng.....năm.....của Sở Kế hoạch và Đầu tư về.....;

Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....;

(*Tên tổ chức*) kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt dự án và thẩm định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình.....với các nội dung như sau:

A. VỀ PHẦN DỰ ÁN:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức lập dự án:
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư:
6. Quy mô đầu tư:
7. Phương án thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
8. Loại, cấp công trình, nhóm dự án:
9. Tổng mức đầu tư:

<i>TT</i>	<i>Hạng mục chi phí</i>	<i>Giá trị (đồng)</i>
1	Chi phí xây dựng	
2	Chi phí thiết bị	
3	Chi phí quản lý dự án	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	
5	Chi phí đền bù, GPMB	
6	Chi phí khác	
7	Chi phí dự phòng	
	Tổng cộng	

10. Nguồn vốn đầu tư:
11. Địa điểm xây dựng:
12. Diện tích sử dụng đất:
13. Hình thức đầu tư:
14. Số bước thiết kế:
15. Hình thức quản lý dự án:
16. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:
17. Phương thức tổ chức thực hiện:
18. Phương án bồi thường GPMB (nếu có):
19. Các nội dung khác:

B. VỀ PHẦN KẾ HOẠCH LỰA CHỌN THẦU:

I. Mô tả tóm tắt dự án (như Phần A)

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

<i>TT</i>	<i>Nội dung công việc hoặc tên gói thầu⁽¹⁾</i>	<i>Đơn vị thực hiện⁽²⁾</i>	<i>Giá trị⁽³⁾</i>	<i>Văn bản phê duyệt⁽⁴⁾</i>
1				

2			
...			
Tổng giá trị			

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

TT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 3

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
...								
Tổng giá gói thầu								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu:___[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà

thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;
- đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- e) Loại hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Giá trị</i>
1		
2		
3		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Giá trị</i>
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		

C. PHÂN KIẾN NGHỊ.

(Tên tổ chức) kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt dự án và thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình.....để chủ đầu tư cơ sở thực hiện các bước tiếp theo (kèm theo Hồ sơ trình phê duyệt)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Phụ lục:

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xác định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu:

a) Căn cứ xác định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu là tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức thu, cụ thể như sau:

$$\text{Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng} = \frac{\text{Tổng mức đầu tư được phê duyệt}}{\text{Mức thu}}$$

Trường hợp nhóm công trình có giá trị nằm trong khoảng giữa các tổng mức đầu tư ghi trên Biểu mức thu thì phí thẩm định đầu tư phải thu được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$N_x = N_{1b} - \left\{ \frac{N_{1b} - N_{2a}}{G_{1b} - G_{2a}} \times (G_x - G_{2a}) \right\}$$

Trong đó:

+ N_{1i} là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (đơn vị tính: %).

+ G_{1i} là quy mô giá trị của nhóm dự án thứ i cần tính phí thẩm định đầu tư (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ G_{1a} là quy mô giá trị cận trên quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ G_{1b} là quy mô giá trị cận dưới quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ N_{2a} là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng G_{1a} (đơn vị tính: %).

+ N_{2b} là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng G_{1b} (đơn vị tính: %).

Trong đó mức thu theo tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu đối với một dự án đầu tư được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này nhưng tối đa không quá 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng/dự án.

Trường hợp đặc biệt, Bộ Xây dựng có đề án đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu đối với từng dự án cụ thể.

c) Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với khu đô thị mới được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này, trong đó tổng mức đầu tư được phê duyệt làm căn cứ tính thu phí không bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt trong dự án.

d) Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với công trình quy mô nhỏ (thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) sử dụng vốn ngân sách nhà nước được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này.

3. Xác định số tiền phí thẩm định thiết kế cơ sở phải thu:

Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác theo quy định của Luật xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (theo phân cấp) chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của dự án thì mức thu phí thẩm định thiết kế cơ sở của dự án bằng 50% phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

4. Đối với những dự án đầu tư quy định phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, nhưng cơ quan nhà nước không đủ điều kiện thẩm định mà phải thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định hoặc có yêu cầu chuyên gia, tư vấn thẩm tra hoặc đã có thẩm tra trước khi thẩm định thì cơ quan nhà nước chỉ được thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí tương ứng quy định tại điểm 1, 2 Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này. Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010

2. Phí thẩm định thiết kế cơ sở (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

03. Thủ tục: *Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình.*

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Đơn vị được giao làm Chủ đầu tư nộp Kế hoạch lựa chọn nhà thầu lên người có thẩm quyền xem xét tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P. Quyết Thắng -Tp. Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần; Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30'; Buổi chiều từ 13h30' - 16h30' <p>Bước 2. Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Cơ quan, tổ chức thẩm định tiến hành thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ); trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ cán bộ hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 4. Cơ quan, tổ chức thẩm định lập báo cáo thẩm định trình người có thẩm quyền xem xét quyết định.</p> <p>Bước 5. Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần; Buổi sáng từ 7h30' đến 10h30'; Buổi chiều từ 13h30' - 16h30'
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của chủ đầu tư. - Quyết định phê duyệt dự án hoặc Báo cáo kinh tế-kỹ thuật của cấp có thẩm quyền. - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Hồ sơ dự toán được duyệt (nếu có) - Quyết định giao kế hoạch vốn. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có). - Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết	Không quá 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh và các bộ phận có liên quan thuộc UBND tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.
Kết quả	Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt Dự án của UBND tỉnh hoặc của Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>theo hạn mức được ủy quyền</i>)
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu (<i>mẫu số 01 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội. - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

01.

[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án: ____ [ghi tên dự án]**

Kính gửi: ____ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];
Căn cứ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ ____ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);

- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;

- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;

- Tổng mức đầu tư;

- Tên chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Địa điểm, quy mô dự án;

- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
....								
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu

hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;
- đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- e) Loại hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

STT	Nội dung	Giá trị
	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		[ghi tổng mức đầu tư của dự án]

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [ghi tên chủ đầu tư] đề nghị ___[ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ___[ghi tên dự án].

Kính trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH
(Kèm theo Tờ trình số ngày tháng năm)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
	<i>Quyết định số của về việc phê duyệt dự án</i>	<i>Bản chụp</i>
	<i>Quyết định số của về việc phê duyệt dự toán</i>	<i>Bản chụp</i>
	<i>Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1</i>	<i>Bản chụp</i>